**TOÁN 4 - TUẦN 9**

**Bài 25 : EM VUI HỌC TOÁN ( T1) TR.61**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Năng lực đặc thù:**

- Thông qua các hoạt động tìm hiểu thông tin về sử dụng số có nhiều chữ số trong cuộc sống tìm hiẻu mã số , mã định danh,...

- Phát triển các NL tư duy toán học, các NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ phương tiện toán học.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động tìm hiểu ý nghĩa các chữ số trong hoạt động thực hành tạo mã số, mã định danh gắn với tình huống cụ thể.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động thuyết trình về SP của nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng số có nhiều chữ số trong cuộc sống ở các lĩnh vực khác nhau thông qua việc tự tìm kiếm thông tin, lựa chọn sắp xếp và trình bày một số thông tin nổi bật về việc sử dụng số có nhiều chữ số trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ, bài tập được giao.

**II.ĐỒ DÙNG HỌC TẬP:**

- Một số thông tin thực tế liên quan đến sử dụng số có nhiều chữ số.

- Một số khối lập phương.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** |  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
|  | **1.Khởi động:**-TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.**2.Luyện tập thực hành :**\*Mục tiêu : Tìm hiểu một số thông tin thực tế có sử dụng số có nhiều chữ số.**Bài 1:** - GV cho HS tìm hiểu một số thông tin thực tế có sử dụng số có nhiều chữ số.Ghi lại rồi chia sẻ với các bạn trong nhóm.- GV cho HS thực hiện theo nhóm: Chia sẻ các thông tin về thực tế có sử dụng số có nhiều chữ số. Thảo luận phân loại ra những lĩnh vực khác nhau.- HS các nhóm khác đặt câu hỏi, bình luận, bổ sung thông tin cho nhóm trình bày.- GV nhận xét chốt ý kiến đúng từng nhóm.**Bài 2.**- GV đưa ra một số thông tin về dân số một số quốc gia trên thế giới tính đến ngày 17/9/2022 trong bảng ở SGK yêu cầu HS quan sát:

|  |  |
| --- | --- |
|  Quốc gia |  Số dân (người) |
| Hoa Kỳ |  335 206 115 |
| Nga |  145 767 966 |
| Pháp |  65 618 967 |
| Việt Nam |  99 113 048 |

- GV cho HS hoạt động theo nhóm : Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình khi đọc các thông tin trong bảng thống kê trên.+ Những quốc gia nào có dân số có nhiều hơn 100 triệu?+ Những quốc gia nào có dân số ít hơn 100 triệu?+ Đọc tên các quốc gia theo thứ tự từ quốc gia đông dân nhất đến quốc gia ít dân nhất?+ Em hãy so sánh xem dân số Việt Nam với dân số một số nước trên thế giới ?- Theo em dân số và sự phát triển đất nước có liên quan tới nhau không ? (GV có thể giới thiệu thêm dân số một số quốc gia khác cho HS tìm hiểu thêm).**4.Vận dụng trải nghiệm.**- Nêu dân số một số quốc gia khác mà em biết?**5 Củng cố, dặn dò.**- HS nói cảm xúc sau giờ học.- HS nói về hoạt động còn lúng túng, nếu làm lại sẽ làm gì? | - HS vận động tại chỗ.- HS tìm hiểu thông tin.- HS chia sẻ theo nhóm.- HS trình bày.-HS quan sát.- Hoa Kỳ, Nga.-Pháp, Việt Nam.-Hoa kỳ, Nga, Việt Nam, Pháp.- HS nhìn bảng dân số nước khác so sánh.- HS nêu . |

 **Bài 25 : EM VUI HỌC TOÁN ( T2) TR.62**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Năng lực đặc thù:**

- Thông qua các hoạt động tìm hiểu thông tin về sử dụng số có nhiều chữ số trong cuộc sống tìm hiẻu mã số , mã định danh,...

- Phát triển các NL tư duy toán học, các NL giải quyết vấn đề toán học, NL sử dụng công cụ phương tiện toán học.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động tìm hiểu ý nghĩa các chữ số trong hoạt động thực hành tạo mã số, mã định danh gắn với tình huống cụ thể.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động thuyết trình về SP của nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng số có nhiều chữ số trong cuộc sống ở các lĩnh vực khác nhau thông qua việc tự tìm kiếm thông tin, lựa chọn sắp xếp và trình bày một số thông tin nổi bật về việc sử dụng số có nhiều chữ số trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ, bài tập được giao.

**II.ĐỒ DÙNG HỌC TẬP:**

- Một số thông tin thực tế liên quan đến sử dụng số có nhiều chữ số.

- Một số khối lập phương.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** |  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
|  | **1.Khởi động:**-TBVN điều hành lớp hát, vận động tại chỗ.**2.Luyện tập thực hành :**\*Mục tiêu : Tìm hiểu một số thông tin thực tế có sử dụng số có nhiều chữ số.**Bài 3.**- GV cho HS thảo luận nhóm.+ Thảo luận về thông tin trong hình vẽ :- Vận động viên lớp 3E40 cho em biết thông tin gì ?- Theo cách trên, vận động viên số 09 đang học khối 4 lớp H được định danh mã số như thế nào?- HS có thể nêu thêm một vài ví dụ khác ( Có thể chơi Đố bạn).- GV HD cho HS thảo luận tự tạo ra mã số để quản lí các khối lớp phù hợp với thực tế của nhà trường.\* GV có thể giới thiệu ý nghĩa của các con số trên căn cước công dân và nêu một số căn cước công dân để HS đọc hiểu thông tin từ những con số ghi trên thẻ căn cước.- HS nêu một số loại giấy tờ khác dùng mã số như vậy.**4.Vận dụng trải nghiệm.**Bài 4. Thực hành lắp ghép hình.- HS lấy các khối lập phương nhỏ như nhau thực hành lắp ghép thành các khối lập phương lớn hơn rồi ghi lại số lập phương nhỏ đã sử dụng.- HS thảo luận với các trường hợp khác, lập luận xem số khối lập phương nhỏ như thế nào thì có thể ghép thành một khối lập phương lớn.**5 Củng cố, dặn dò.**- HS nói cảm xúc sau giờ học.- HS nói về hoạt động  | - HS vận động tại chỗ.-HS thảo luận nhóm.- HS tìm hiểu thông tin.- HS chia sẻ theo nhóm.- HS trình bày.- HS quan sát.-HS nêu một số loại giấy tờ.- HS lắp ghép.-HS thảo luận nhóm.-HS suy nghĩ trả lời |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................

 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

 **BÀI 26. PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (T1) Tr.65**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Năng lực đặc thù :**

- HS biết cách đặt tính thực hiện tính cộng, trừ các số có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp).

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động tìm hiểu ý nghĩa của phép cộng, phép trừ.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động thuyết trình về SP của nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức phép cộng, phép trừ giải quyết các vấn đề trong thực tế cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ, bài tập được giao.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- GV: SGV, bảng phụ, máy tính,...

- HS: SGK, Vở BTT.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** |  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** |  **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
|  | **1.Mở đầu:**- Tổ chức trò chơi “ Ai nhanh”.- GV đưa ra một số PT HS nhanh tay trả lời.**2.Hình thành kiến thức mới:**\*Mục tiêu : Biết cách đặt tính, cách tính phép cộng, phép trừ**1.Phép cộng:**- GV đưa ra phép tính 125 859 + 541 728 = ?- Một HS nêu phép tính trên bảng của cô.- Muốn thực hiện được phép tính này em phải làm gì ? - Khi thực hiện phép tính em thực hiện như thế nào?- Em hãy nêu cho cô cách đặt tính? Cách tính?- GV mời HS khác nhắc lại.- GV chốt lại cách đặt tính, cách tính.- GV yêu cầu HS lên bảng thực hiện phép tính : 125 859 + 541 728 ? ? ?-Yêu cầu HS nhận xét nêu cách làm : 125 859 Cộng theo thứ tự từ phải sang trái:+ . 9 cộng 8 bằng 17, viết 7, nhớ 1. 541 728 .5 cộng 2 bằng 7, thêm 1 bằng 8, viết 8. 667 728 .8 cộng 7 bằng 15, viết 5, nhớ 1. .5 cộng 1 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết7. .2 cộng 4 bằng 6, viết 6. .1 cộng 5 bằng 6, viết 6.Vậy 125 859 + 541 728 = 667 587.- GV nhận xét.- GV nêu thêm ví dụ: 156 237 + 231 856 = ?- Yêu cầu HS thực hiện trong vở nháp 1 HS lên bảng.- GV, HS nhận xét chốt kiến thức cách đặt tính, tính.**2.Phép trừ:**- GV đưa ra phép trừ: 516 372 – 50 420 =?- Mời 1 HS nêu phép tính.- Vừa rồi cô thấy lớp làm rất tốt cách đặt tính và cách tính phép cộng. Vậy đối với phép trừ các em thực hiện cách đặt tính và cách tính cũng giống tương tự như trên.- Để tìm kết quả ta phải thực hiện phép trừ. Em hãy nêu cho cô cách đặt tính và tính.- Thực hiện trừ em sẽ trừ như thế nào ?- Yêu cầu 1 HS lên bảng làm.- HS nhận xét bài bạn nêu cách làm: 516 372 . Trừ theo thứ tự từ phải sang trái.- . 2 trừ 0 bằng 2, viết 2. 50 420 . 7 trừ 2 bằng 5, viết 5. 465 952 . 13 trừ 4 bằng 9, viết 9, nhớ 1. . 0 thêm 1 bằng 1, 6 trừ 1 bằng 5, viết 5. . 11 trừ 5 bằng 6, viết 6, nhớ 1. . 5 trừ 1 bằng 4, viết 4. Vậy 516 372 – 50 420 = 465 925- GV chốt kiến thức. **3.Luyện tập, thực hành.****Bài 1. Tính**- GV gọi 1 HS nêu yêu cầu.- GV đưa phép tính lên bảng mời HS nêu phép tính.- HS nhắc lại cách đặt tính, cách tính.- Mời 2 HS lên bảng, lớp làm vở.- HS đổi vở chéo kiểm tra kết quả.- GV, HS chốt đáp án nhắc lại cách thực hiện một số PT.**4.Vận dụng, trải nghiệm.**- HS vận dụng làm nhanh phép tính : 123729 + 421 578 = ? 572 322 – 50 320 =?**5.Củng cố, dặn dò.**- Khi thực hiện đặt tính cộng, trừ ta cần lưu ý gì ?- NX tiết học. | - HS thực hiện trò chơi.- HS nêu PT.- Em phải thực hiện đặt tính.- Em thực hiện từ phải sang trái.- HS nêu cách đặt tính cách tính của PT.- HS nhắc lại cách thực hiện của bạn.- HS làm trên bảng và vở nháp.- HS quan sát lắng nghe.- HS nêu PT.- HS quan sát lắng nghe.- HS nêu cách làm.- Thực hiện từ phải sang trái.- HS nhận xét nhắc lại cách làm.- HS nêu yêu cầu của bài.- HS thực hiện làm bài.- HS nêu cách làm.- HS thực hiện PT |

 **BÀI 26.** **PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ (T2) Tr.65**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Năng lực đặc thù :**

- HS biết cách đặt tính thực hiện tính cộng, trừ các số có nhiều chữ số (có nhớ không quá ba lượt và không liên tiếp).

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: Chủ động tìm hiểu ý nghĩa của phép cộng, phép trừ.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động thuyết trình về SP của nhóm.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng kiến thức phép cộng, phép trừ giải quyết các vấn đề trong thực tế cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Hoàn thành các nhiệm vụ, bài tập được giao.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- GV: SGV, bảng phụ, máy tính,...

- HS: SGK, Vở BTT.

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** |  **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** |  **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
|  | **1.Mở đầu:**Khởi động trò chơi: “ Ai là Triệu phú”.**2.Luyện tập, thực hành:****Bài 2. Tính**- GV gọi 1 HS nêu yêu cầu.- GV đưa phép tính lên bảng mời HS nêu phép tính.- HS nhắc lại cách đặt tính, cách tính.- Mời HS lên bảng, lớp làm vở. HS đổi vở chéo kiểm tra kết quả và nêu cách làm.- GV, HS chốt đáp án nhắc lại cách thực hiện một số PT.**Bài 3**-GV gọi 1 HS nêu yêu cầu bài tập 3.-HS đặt tính, thực hiện phép tính cộng, trừ sau đó thử lại bằng phép tính cộng trừ.-2 HS làm bảng lớp làm trong vở.+ Em có nhận xét gì về phép tính sau khi thực hiện phép tính thử?- GV chốt kết quả đúng.**Bài 4**- Bài 4 yêu cầu các em làm gì?- Tính nhẩm là các em thực hiện phép tính đó như thế nào ?-HS trao đổi với bạn cách tính nhẩm đưa ra câu trả lời đúng.- GV, HS chốt câu trả lời đúng.**Bài 5**- HS nêu yêu cầu của bài.- Đối với phép tính có ngoặc các em thực hiện như thế nào ?- GV yêu cầu 3 HS lên bảng làm.Lớp làm phiếu học tập.\* GV chốt kết quả đúng và giới thiệu thêm thuật tính mới: Khi trừ một số cho một tổng ta lấy số đó trừ đi lần lượt từng số hạng của tổng.I : 4 480 + 2 496 – 1 596 = 6 679 – 1 596 = 5 380.Bài 6- HS nêu yêu cầu của đề bài .+ Bài toán cho biết gì ? bài toán hỏi gì ?+ Để làm được bài toán ta cần phải làm gì ?- HS làm bảng, dưới lớp thực hiện trong vở.-GV nhận xét chốt kết quả đúng.**4.Vận dụng, trải nghiệm.****Bài 7.**HS thảo luận phân tích Quãng đường mà xe máy đó đã đi được tính bằng hiệu số của quãng đường lúc đến nơi và lúc bắt đầu.- HS làm vở- HS trình bày.**5.Củng cố, dặn dò.**-Hôm nay các em biết thêm được điều gì?- Khi thực hiện đặt tính cộng, trừ ta cần lưu ý gì ?- NX tiết học. | - HS thực hiện trò chơi.- HS nêu yêu cầu- HS lên bảng làm bài.-HS nhắc lại cách đặt tính, tính.- HS đổi chéo vở nhận xét-HS nêu yêu cầu- HS nhắc lại cách đặt tính, cách tính ngược.- HS nêu nhận xét.- HS nêu yêu cầu của bài.- HS nhắc lại cách thực hiện của bạn.- HS nêu yêu cầu.- Thực hiện phép tính trong ngoặc trước.- HS làm trên bảng và vở nháp.- HS quan sát lắng nghe.- HS nêu PT.- HS quan sát lắng nghe.- HS nêu cách làm.- HS nhận xét.- HS vận dụng làm bài.- HS lắng nghe. |